HYUNDAI

CUSTIN

Tận hưởng mọi hành trình.

Phong cách thiết kế **“Parametric Dynamic”** trên Hyundai Custin phối cùng các đường nét hiện đại tinh xảo tạo nên vẻ đẹp độc đáo trẻ trung.

Cụm đèn LED thiết kế **“Parametric Hidden Lights”** kết hợp với các đường nét hiện đại tạo nên hình ảnh trẻ trung đẳng cấp cho Hyundai Custin.

Đèn chiếu sáng LED

Cụm đèn hậu LED

Cửa bên trượt điện

Cốp điện thông minh
(1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)

Thiết kế khoang nội thất lấy cảm hứng từ phi thuyền không gian, Hyundai Custin hướng đến sự thoải mái tiện nghi cho cả người lái và hành khách với phong cách sang trọng, hiện đại đi kèm một không gian rộng rãi.

Màn hình thông tin dạng Kỹ thuật số

Màn hình giải trí 10.4 inch

Phanh tay điện tử

Lẫy chuyển số dạng nút bấm

Ghế thương gia tích hợp sưởi và làm mát ghế (1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)

Điều hòa tự động với cửa gió cho 3 hàng ghế

Cửa sổ trời đôi (1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)

Smartkey cùng khởi động bằng nút bấm

Tính năng walk-in (1.5T Đặc biệt/ 2.0T Cao cấp)

ĐỘNG CƠ – VẬN HÀNH – AN TOÀN

Hyundai Custin sử dụng động cơ thế hệ mới Smartstream cùng với đầy đủ công nghệ hỗ trợ lái thông minh tiên tiến mang đến trải nghiệm lái xe vượt trội trong phân khúc.

SMARTSTREAM 1.5T
Hộp số tự động 8 cấp

170 PS	253 Nm
Công suất cực đại	Momen xoắn cực đại

SMARTSTREAM 2.0T
Hộp số tự động 8 cấp

236 PS	353 Nm
Công suất cực đại	Momen xoắn cực đại

Hỗ trợ giữ làn đường

Kiểm soát hành trình thích ứng

Hỗ trợ phòng tránh va chạm điểm mù

Hỗ trợ phòng tránh va chạm phía trước

Camera 360

Hỗ trợ phòng tránh va chạm khi lùi xe

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	1.5T Tiêu Chuẩn	1.5T Đặc Biệt	1.5T Cao Cấp	2.0T Cao Cấp
Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	4950x1850x1725			
Chiều dài cơ sở (mm)	3055			
Khoảng sáng gầm xe (mm)	174			
Động cơ	Smartstream 1.5T			Smartstream 2.0T
Dung tích xi lanh (cc)	1,497			1,975
Công suất cực đại (PS/rpm)	170/5500			236/6000
Mô men xoắn cực đại (Nm/rpm)	253/1500-4000			353/1500-4000
Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	58			
Hộp số	8AT			
Hệ thống dẫn động	FWD			
Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa			
Hệ thống treo trước	McPherson			
Hệ thống treo sau	Thanh cân bằng			
Thông số lốp	Hợp kim 225/60R17	Hợp kim 225/55R18		
Ngoại thất				
Đèn chiếu sáng	LED	LED	LED	LED
Kích thước vành xe	17 inch	18 inch		
Đèn LED định vị ban ngày	o	o	o	o
Đèn pha tự động	o	o	o	o
Xi nhan trên gương	o	o	o	o
Ăng ten vây cá mập	o	o	o	o
Tay nắm cửa mạ Chrome	o	o	o	o
Gương hậu chỉnh điện gập điện có sấy	o	o	o	o
Đèn hậu LED	o	o	o	o
Lưới tản nhiệt mạ Chrome	o	o	o	o
Ốp hốc lốp	Màu đen	Cùng màu thân xe		
Cửa sổ trời đôi	-	o	o	o
Đèn bậc cửa	-	o	o	o
Nội thất và tiện nghi				
Ghế da	o	o	o	o
Vô lăng bọc da	o	o	o	o
Màn hình giải trí	Cảm ứng 10.4 inch			
Màn hình thông tin	4.2 inch TFT LCD			
Hệ thống loa	4	6	6	6
Cần số dạng nút bấm	o	o	o	o
Ghế chỉnh điện	Ghế lái	Ghế lái + Ghế phụ		
Nhớ vị trí ghế lái	-	-	o	o
Ghế sau thư giãn chỉnh điện 10 hướng	-	o	o	o
Cửa sổ chỉnh điện 1 chạm	Ghế lái	Tất cả vị trí		
Thông gió và sưởi hàng ghế trước	-	-	o	o
Thông gió và sưởi hàng ghế sau	-	o	o	o
Sạc không dây ở 2 hàng ghế	-	o		
Cửa trượt thông minh	Phía hành khách	Cả 2 bên xe		
Rèm che nắng phía sau	-	o	o	o
Điều hoà tự động	1 vùng			
Cốp điện	-	o	o	o
Lẫy chuyển số sau vô lăng	o	o	o	o
Chìa khoá Smartkey, khởi động nút bấm	o			
An toàn				
Hệ thống chống bó cứng phanh ABS	o	o	o	o
Hệ thống cân bằng điện tử ESC	o	o	o	o
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HAC	o	o	o	o
Cảm biến trước/sau	o	o	o	o
Cảm biến áp suất lốp TPMS	o	o	o	o
Camera lùi	o	-	-	-
Camera 360	-	o	o	o
Phanh tay điện tử + Auto Hold	o	o	o	o
Kiểm soát hành trình Cruise Control	o	o	-	-
Kiểm soát hành trình thích ứng Smart Cruise Control	-	-	o	o
Phòng tránh va chạm điểm mù BCA	-	-	o	o
Cảnh báo người ngồi hàng ghế sau ROA	-	-	o	o
Phòng tránh va chạm phía trước FCA	-	-	o	o
Hỗ trợ giữ và định tâm làn đường LKA & LFA	-	-	o	o
Đèn pha tự động thích ứng AHB	-	-	o	o
Cảnh báo người lái mất tập trung DAW	-	-	o	o
Số túi khí	4	6	6	6

BẢNG TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

	1.5T Tiêu Chuẩn	1.5T Đặc Biệt	1.5T Cao Cấp	2.0T Cao Cấp
Trong đô thị (l/100km)	9.08	9.31	8.82	12.53
Ngoài đô thị (l/100km)	5.65	5.86	6.53	6.10
Kết hợp (l/100km)	6.91	7.13	7.37	8.49

BẢNG MÀU NGOẠI THẤT

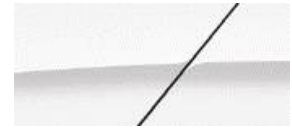

Trắng

Bạc

Xanh lục bảo

Đen

Xám kim loại

Xanh bóng đêm

KÍCH THƯỚC

Đơn vị: mm

LƯU Ý:

- Các giá trị trên đây là kết quả của các cuộc kiểm tra nội bộ và có thể thay đổi sau khi được kiểm nghiệm lại.
- Xe thực tế có thể có đôi chút khác biệt so với hình ảnh trong catalogue.
- Hyundai Thành Công có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật và trang thiết bị mà không cần báo trước.
- Màu sắc in trong catalogue có thể sai khác nhỏ so với màu sắc thực tế.
- Vui lòng liên hệ với đại lý để biết thêm chi tiết.

Vì lợi ích của bạn
hãy cài dây an toàn khi lái xe

5 NĂM Số km bảo hành 100,000 km

Hyundai Thành Công Việt Nam
www.hyundai.thanhcong.vn